

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT
Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1: Yêu cầu kỹ thuật.

1.1 Giới thiệu chung về dự án và gói thầu

- Tên gói thầu: Cung cấp túi ni lông, vật tư nhựa năm 2026-2027.
- Hình thức và phương thức đấu thầu:
 - + Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng;
 - + Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 14 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
- Thời gian thực hiện gói thầu: 13 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
- Địa điểm thực hiện hợp đồng: Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh
 - o Cơ sở 1: 215 Hồng Bàng, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh;
 - o Cơ sở 2: 201 Nguyễn Chí Thanh, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh;
 - o Cơ sở 3: 221B Hoàng Văn Thụ, Phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh;

1.2 Yêu cầu về kỹ thuật.

Stt	Tên hàng hóa	Tiêu chí kỹ thuật
1.	Bao giấy	- Nguyên liệu: Nhựa PE - Kích thước: dài 380mm, cao 200mm, rộng cổ 250mm; cổ có luôn thun co giãn. - Quy cách đóng gói: 5-10 đôi/gói (bao)
2.	Bao tay nylon	- Bao tay nylon được thiết kế theo dạng hình bàn tay. - Nguyên liệu: Nhựa HDPE - Kích thước: 18 cm x 10 cm, dung sai ±2%. - Quy cách đóng gói: 1kg/gói (bao)
3.	Bao PP 70cm x 110cm	- Loại bao kiếng trong - Nguyên liệu: Nhựa PP - Kích thước: 70 cm x 110 cm; dung sai ±2%. - Độ dày: ≥ 0,05 mm - Quy cách đóng gói: 1kg/gói (bao)
4.	Bao PP 20cm x 30cm	- Loại bao kiếng trong - Nguyên liệu: Nhựa PP - Kích thước: 20 cm x 30 cm; dung sai ±2%. - Độ dày: ≥ 0,05 mm - Quy cách đóng gói: 1kg/gói (bao)
5.	Bao PP 12cm x 20cm	- Loại bao kiếng trong - Nguyên liệu: Nhựa PP - Kích thước: 12 cm x 20 cm; dung sai ±2%.

Stt	Tên hàng hóa	Tiêu chí kỹ thuật
		<ul style="list-style-type: none"> - Độ dày: $\geq 0,05$ mm - Quy cách đóng gói: 1kg/gói (bao)
6.	Bao PP 50cm x 70cm	<ul style="list-style-type: none"> - Loại bao kiếng trong - Nguyên liệu: Nhựa PP - Kích thước: 50 cm x 70 cm; dung sai $\pm 2\%$. - Độ dày: $\geq 0,05$ mm - Quy cách đóng gói: 1kg/gói (bao)
7.	Bao PP 7cm x 12cm	<ul style="list-style-type: none"> - Loại bao kiếng trong - Nguyên liệu: Nhựa PP - Kích thước: 7 cm x 12 cm; dung sai $\pm 2\%$. - Độ dày: $\geq 0,05$ mm - Quy cách đóng gói: 1kg/gói (bao)
8.	Bao PP 8cm x 14cm	<ul style="list-style-type: none"> - Loại bao kiếng trong - Nguyên liệu: Nhựa PP - Kích thước: 8 cm x 14 cm; dung sai $\pm 2\%$. - Độ dày: $\geq 0,05$ mm - Quy cách đóng gói: 1kg/gói (bao)
9.	Bao PP 30cm x 40cm	<ul style="list-style-type: none"> - Loại bao kiếng trong - Nguyên liệu: Nhựa PP - Kích thước: 30 cm x 40 cm; dung sai $\pm 2\%$. - Độ dày: $\geq 0,05$ mm - Quy cách đóng gói: 1kg/gói (bao)
10.	Bao PP 4cm x 8cm	<ul style="list-style-type: none"> - Loại bao kiếng trong - Nguyên liệu: Nhựa PP - Kích thước: 4 cm x 8 cm, dung sai $\pm 2\%$. - Độ dày $\geq 0,05$ mm - Quy cách đóng gói: 1kg/gói (bao)
11.	Túi nylon thân thiện môi trường, 55cm x 65cm, màu vàng	<ul style="list-style-type: none"> - Túi nylon thân thiện môi trường màu vàng, có in logo biểu tượng và dòng chữ cảnh báo theo quy định. - Nguyên liệu: Nhựa HDPE, có sử dụng nguyên liệu nhựa tái chế, mức tối thiểu 20% theo tiêu chí nhãn sinh thái, hoặc các tiêu chí đương đương. - Kích thước: 55 cm x 65 cm (miệng và đáy vuông góc), dung sai $\pm 2\%$. - Độ dày $\geq 0,05$ mm - Quy cách đóng gói: 1kg/gói (bao)
12.	Túi nylon thân thiện môi trường, 55cm x 65cm, màu xanh	<ul style="list-style-type: none"> - Túi nylon thân thiện môi trường màu xanh, có in logo biểu tượng và dòng chữ cảnh báo theo quy định. - Nguyên liệu: Nhựa HDPE, có sử dụng nguyên liệu nhựa tái chế, mức tối thiểu 20% theo tiêu chí nhãn sinh thái, hoặc các tiêu chí đương đương. - Kích thước: 55cm x 65cm (miệng và đáy vuông góc), dung sai $\pm 2\%$. - Độ dày $\geq 0,05$ mm - Quy cách đóng gói: 1kg/gói (bao)

Stt	Tên hàng hóa	Tiêu chí kỹ thuật
13.	Túi nylon thân thiện môi trường, 55cm x 65cm, màu đen	<ul style="list-style-type: none"> - Túi nylon thân thiện môi trường màu đen, có in logo biểu tượng và dòng chữ cảnh báo theo quy định. - Nguyên liệu: Nhựa HDPE, có sử dụng nguyên liệu nhựa tái chế, mức tối thiểu 20% theo tiêu chí nhãn sinh thái, hoặc các tiêu chí đương đương. - Kích thước: 55cm x 65cm (miệng và đáy vuông góc), dung sai $\pm 2\%$. - Độ dày $\geq 0,05$ mm - Quy cách đóng gói: 1kg/gói (bao)
14.	Túi nylon thân thiện môi trường, 55cm x 65cm, màu trắng	<ul style="list-style-type: none"> - Túi nylon thân thiện môi trường màu trắng, có in logo biểu tượng và dòng chữ cảnh báo theo quy định. - Nguyên liệu: Nhựa HDPE, có sử dụng nguyên liệu nhựa tái chế, mức tối thiểu 20% theo tiêu chí nhãn sinh thái, hoặc các tiêu chí đương đương. - Kích thước: 55cm x 65cm (miệng và đáy vuông góc), dung sai $\pm 2\%$. - Độ dày $\geq 0,05$ mm - Quy cách đóng gói: 1kg/gói (bao)
15.	Túi nylon thân thiện môi trường, 35cm x 60cm, màu trắng	<ul style="list-style-type: none"> - Túi nylon thân thiện môi trường màu trắng, có 2 quai xách, đáy túi xếp góc. - Nguyên liệu: Nhựa HDPE, có sử dụng nguyên liệu nhựa tái chế, mức tối thiểu 20% theo tiêu chí nhãn sinh thái, hoặc các tiêu chí đương đương. - Kích thước: 35 cm x 60 cm, dung sai $\pm 2\%$. - Độ dày: $\geq 0,05$ mm - Quy cách đóng gói: 1kg/gói (bao)
16.	Túi nylon thân thiện môi trường, 40cm x 70cm, màu trắng	<ul style="list-style-type: none"> - Túi nylon thân thiện môi trường màu trắng, có 2 quai xách, đáy túi xếp góc. - Nguyên liệu: Nhựa HDPE, có sử dụng nguyên liệu nhựa tái chế, mức tối thiểu 20% theo tiêu chí nhãn sinh thái, hoặc các tiêu chí đương đương. - Kích thước: 40 cm x 70 cm, dung sai $\pm 2\%$. - Độ dày: $\geq 0,05$ mm - Quy cách đóng gói: 1kg/gói (bao)
17.	Túi nylon thân thiện môi trường, 30 cm x 50 cm, màu đen	<ul style="list-style-type: none"> - Túi nylon thân thiện môi trường màu đen, có 2 quai xách, đáy túi xếp góc. - Nguyên liệu: Nhựa HDPE, có sử dụng nguyên liệu nhựa tái chế, mức tối thiểu 20% theo tiêu chí nhãn sinh thái, hoặc các tiêu chí đương đương. - Kích thước: 30 cm x 50 cm, dung sai $\pm 2\%$. - Độ dày: $\geq 0,05$ mm - Quy cách đóng gói: 1kg/gói (bao)
18.	Túi nylon thân thiện môi trường, 30 cm x 50cm, màu trắng	<ul style="list-style-type: none"> - Túi nylon thân thiện môi trường màu trắng, có 2 quai xách, đáy túi xếp góc. - Nguyên liệu: Nhựa HDPE, có sử dụng nguyên liệu nhựa tái chế, mức tối thiểu 20% theo tiêu chí nhãn sinh thái, hoặc các tiêu chí đương đương. - Kích thước: 30 cm x 50 cm, dung sai $\pm 2\%$.

Stt	Tên hàng hóa	Tiêu chí kỹ thuật
		<ul style="list-style-type: none"> - Có 2 quai xách, đáy túi xếp góc - Độ dày: $\geq 0,05$ mm - Quy cách đóng gói: 1kg/gói (bao)
19.	Túi nylon thân thiện môi trường, 50cm x 50cm, màu xanh	<ul style="list-style-type: none"> - Túi nylon thân thiện môi trường màu xanh, có in logo biểu tượng và dòng chữ cảnh báo theo quy định. - Nguyên liệu: Nhựa HDPE, có sử dụng nguyên liệu nhựa tái chế, mức tối thiểu 20% theo tiêu chí nhãn sinh thái, hoặc các tiêu chí đương đương. - Kích thước: 50cm x 50cm (miệng và đáy vuông góc), dung sai $\pm 2\%$. - Độ dày $\geq 0,05$ mm - Quy cách đóng gói: 1kg/gói (bao)
20.	Túi nylon thân thiện môi trường, 80cm x 90cm, màu vàng	<ul style="list-style-type: none"> - Túi nylon thân thiện môi trường màu vàng, có in logo biểu tượng và dòng chữ cảnh báo theo quy định. - Nguyên liệu: Nhựa HDPE, có sử dụng nguyên liệu nhựa tái chế, mức tối thiểu 20% theo tiêu chí nhãn sinh thái, hoặc các tiêu chí đương đương. - Kích thước: 80cm x 90cm (miệng và đáy vuông góc), dung sai $\pm 2\%$. - Độ dày $\geq 0,05$ mm - Quy cách đóng gói: 1kg/gói (bao)
21.	Túi nylon thân thiện môi trường, 80cm x 100cm, màu xanh	<ul style="list-style-type: none"> - Túi nylon thân thiện môi trường màu xanh, có in logo biểu tượng và dòng chữ cảnh báo theo quy định. - Nguyên liệu: Nhựa HDPE, có sử dụng nguyên liệu nhựa tái chế, mức tối thiểu 20% theo tiêu chí nhãn sinh thái, hoặc các tiêu chí đương đương. - Kích thước: 80cm x 100cm (miệng và đáy vuông góc), dung sai $\pm 2\%$. - Độ dày $\geq 0,05$ mm - Quy cách đóng gói: 1kg/gói (bao)
22.	Túi nylon thân thiện môi trường, 95cm x 110cm, màu xanh	<ul style="list-style-type: none"> - Túi nylon thân thiện môi trường màu xanh, có in logo biểu tượng và dòng chữ cảnh báo theo quy định. - Nguyên liệu: Nhựa HDPE, có sử dụng nguyên liệu nhựa tái chế, mức tối thiểu 20% theo tiêu chí nhãn sinh thái, hoặc các tiêu chí đương đương. - Kích thước: 95cm x 110cm (miệng và đáy vuông góc), dung sai $\pm 2\%$. - Độ dày $\geq 0,05$ mm - Quy cách đóng gói: 1kg/gói (bao)
23.	Túi nylon thân thiện môi trường, 95cm x 110cm, màu trắng	<ul style="list-style-type: none"> - Túi nylon thân thiện môi trường màu trắng, có in logo biểu tượng và dòng chữ cảnh báo theo quy định. - Nguyên liệu: Nhựa HDPE, có sử dụng nguyên liệu nhựa tái chế, mức tối thiểu 20% theo tiêu chí nhãn sinh thái, hoặc các tiêu chí đương đương. - Kích thước: 95cm x 110cm (miệng và đáy vuông góc), dung sai $\pm 2\%$. - Độ dày $\geq 0,05$ mm - Quy cách đóng gói: 1kg/gói (bao)

Stt	Tên hàng hóa	Tiêu chí kỹ thuật
24.	Túi nylon thân thiện môi trường, 95cm x 110cm, màu vàng	<ul style="list-style-type: none"> - Túi nylon thân thiện môi trường màu vàng, có in logo biểu tượng và dòng chữ cảnh báo theo quy định. - Nguyên liệu: Nhựa HDPE, có sử dụng nguyên liệu nhựa tái chế, mức tối thiểu 20% theo tiêu chí nhãn sinh thái, hoặc các tiêu chí đưng đưng. - Kích thước: 95cm x 110cm (miệng và đáy vuông góc), dung sai $\pm 2\%$. - Độ dày $\geq 0,05$ mm - Quy cách đóng gói: 1kg/gói (bao)
25.	Túi phân hủy sinh học, 26 cm x 42 cm, màu trắng	<ul style="list-style-type: none"> - Túi phân hủy sinh học màu trắng, có 2 quai xách, đáy túi xếp góc - Nguyên liệu: Nhựa phân hủy sinh học PBAT, PLA hoặc hỗn hợp PBAT + PLA. - Kích thước: 26 cm x 42 cm, dung sai $\pm 2\%$. - Độ dày 0,02-0,03 mm - Quy cách đóng gói: 1kg/gói (bao)
26.	Túi phân hủy sinh học, 20cm x 30cm, màu trắng	<ul style="list-style-type: none"> - Túi phân hủy sinh học màu trắng, có 2 quai xách, đáy túi xếp góc - Nguyên liệu: Nhựa phân hủy sinh học PBAT, PLA hoặc hỗn hợp PBAT + PLA. - Kích thước: 20 cm x 30 cm, dung sai $\pm 2\%$. - Độ dày 0,02-0,03 mm - Quy cách đóng gói: 1kg/gói (bao)
27.	Túi phân hủy sinh học, 15cm x 25 cm, màu trắng	<ul style="list-style-type: none"> - Túi nilong tự hủy sinh học màu trắng, có 2 quai xách, đáy túi xếp góc. - Nguyên liệu: Nhựa phân hủy sinh học PBAT, PLA hoặc hỗn hợp PBAT + PLA. - Kích thước: 15 cm x 25 cm, dung sai $\pm 2\%$. - Độ dày 0,02-0,03 mm - Quy cách đóng gói: 1kg/gói (bao)
28.	Túi phân hủy sinh học có in logo 20cm x 30cm, màu trắng	<ul style="list-style-type: none"> - Túi nilong tự hủy sinh học, Màu trắng đục, in 2 màu logo 1 mặt, bế quai hạt xoài, đáy túi xếp góc - Nguyên liệu: Nhựa phân hủy sinh học PBAT, PLA hoặc hỗn hợp PBAT + PLA. - Kích thước: 20 cm x 30 cm, dung sai $\pm 2\%$. - Độ dày 0,10 mm. - Quy cách đóng gói: 1kg/gói (bao)
29.	Túi phân hủy sinh học có in logo 30cm x 40cm, màu trắng	<ul style="list-style-type: none"> - Túi nilong tự hủy sinh học, Màu trắng đục, in 2 màu logo 1 mặt, bế quai hạt xoài, đáy túi xếp góc - Nguyên liệu: Nhựa phân hủy sinh học PBAT, PLA hoặc hỗn hợp PBAT + PLA. - Kích thước: 30 cm x 40 cm, dung sai $\pm 2\%$. - Độ dày 0,10 mm. - Quy cách đóng gói: 1kg/gói (bao)
30.	Túi mẫu 12cm x 17cm	Túi đựng mẫu bệnh phẩm bằng PE màu trắng, có đáy nhọn và miệng túi có dây cột, được đóng gói riêng từng sản phẩm.

Stt	Tên hàng hóa	Tiêu chí kỹ thuật
		<ul style="list-style-type: none"> - Kích cỡ: 12 cm x 17 cm, dung sai $\pm 2\%$. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói (bao)
31.	Túi mẫu 17cm x 29cm	<p>Túi đựng mẫu bệnh phẩm bằng PE màu trắng, có đáy nhọn và miệng túi có dây cột, được đóng gói riêng từng sản phẩm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích cỡ: 17 cm x 29 cm, dung sai $\pm 2\%$. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói (bao)
32.	Hộp sắc nhọn 1,5 lít	<p>Hộp đựng vật sắc nhọn y tế, cỡ 1,5 lít</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Nhựa HDPE, kháng khuẩn - Kích thước: 10 cm x 10 cm x 20 cm, dung sai $\pm 2\%$. - Màu sắc: Màu vàng y tế, nắp đỏ - Tiêu chuẩn: thân hộp có đường kẻ ngang ở mức 3/4 và phía trên có dòng chữ: “không chứa quá vạch này”, phía dưới có biểu tượng và dòng chữ chỉ đựng vật sắc nhọn. - Nắp hộp kín, miệng hộp hình tròn răng cưa chiều xuống, có thêm 02 khe để cho vật sắc nhọn mà không cần lực đẩy. - Nắp có thể đóng mở và có khóa cài chắc chắn. - Hộp có tay xách hoặc hệ thống cố định tiện dụng.
33.	Hộp sắc nhọn 6,8 lít	<p>Hộp đựng vật sắc nhọn y tế, cỡ 6,8 lít</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Nhựa HDPE, kháng khuẩn - Kích thước: 32 cm x 13,5 cm x 30,5 cm, dung sai $\pm 2\%$. - Màu sắc: Màu vàng y tế, nắp đỏ - Tiêu chuẩn: thân hộp có đường kẻ ngang ở mức 3/4 và phía trên có dòng chữ: “không chứa quá vạch này”, phía dưới có biểu tượng và dòng chữ chỉ đựng vật sắc nhọn. - Nắp hộp kín, miệng hộp hình tròn răng cưa chiều xuống, có thêm 02 khe để cho vật sắc nhọn mà không cần lực đẩy. - Nắp có thể đóng mở và có khóa cài chắc chắn. - Hộp có tay xách hoặc hệ thống cố định tiện dụng
34.	Dây đeo tay bệnh nhân (vòng nhựa)	<p>Vật liệu: dây đeo bằng nhựa PVC trung tính. Nút bấm bằng nhựa HDPE với màu sắc theo yêu cầu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> + Phần bảng tên: Dài 70 mm; Rộng 22 mm (Nội dung bảng tên có thông tin: Tên; giới tính; giường số, số phòng; bác sĩ) + Dây đeo: Dài 160 mm; Rộng 11 mm có đục sẵn 8-12 lỗ gài nút. + Độ dày $\geq 0,40$ mm - Yêu cầu về sản phẩm: <ul style="list-style-type: none"> + Rìa của sản phẩm không được sắc cạnh có thể làm trầy xước da, nút sử dụng 1 lần. + Độ bền màu và khả năng chịu nhiệt của sản phẩm; không loang màu, chảy nhão biến dạng ở nhiệt độ 20-70 độ C trong vòng 24 giờ
35.	Tạp dề nhựa	<ul style="list-style-type: none"> - Màng nhựa PE, tuyệt đối không cho dịch, nước thấm qua, Không chứa chất độc hại,

Stt	Tên hàng hóa	Tiêu chí kỹ thuật
		- Kích thước: 80x120cm, dung sai $\pm 2\%$ - Độ dày $\geq 0,035$ mm . - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói (bao)
36.	Tấm trải PE, 1,2 m x 2,1 m	- Màng nhựa PE, tuyệt đối ngăn không cho dịch, nước thấm xuyên qua, không chất độc hại. - Kích thước: 1,2 m x 2,1 m, dung sai $\pm 2\%$. - Độ dày $\geq 0,035$ mm - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói (bao)

1.3 Tiên độ cung cấp:

Ngày giao hàng sớm nhất và ngày giao hàng muộn nhất: Theo yêu cầu tại Mẫu số 01B – Phạm vi cung cấp hàng hóa, Chương IV. Biểu mẫu mời thầu.

Mục 2: Bản vẽ: Không áp dụng

Mục 3: Kiểm tra và thử nghiệm: Nhà thầu cam kết tuân thủ việc kiểm tra và thử nghiệm đối với hàng hóa tại thời điểm bàn giao.

1. Kiểm tra tại thời điểm giao nhận

Tại thời điểm giao nhận, Nhân sự của Chủ đầu tư tiến hành kiểm tra toàn bộ hàng hóa, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:

- Nhãn mác, thông tin hàng hóa (Chủng loại, nhãn hiệu, ký mã hiệu (nếu có), xuất xứ, hãng sản xuất, ...) trên bao bì/hàng hóa thống nhất và đúng với thông tin hàng hóa dự thầu, hợp đồng đã ký và tuân thủ theo quy định của pháp luật;
- Kích thước, màu sắc của túi theo yêu cầu kỹ thuật;
- Số lượng, quy cách đóng gói, tình trạng bao bì nguyên vẹn, không rách, không hư hỏng;
- Chất lượng cảm quan: bề mặt túi, đường hàn đáy/miệng túi, độ dai, không thủng rách;
- Hồ sơ kèm theo: hóa đơn giá trị gia tăng, biên bản kiểm nhập, Biên bản bàn giao/giao nhận; chứng từ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa (đối với hàng nhập khẩu CO hoặc TKHQ; phiếu xuất xưởng hoặc tài liệu tương đương đối với hàng trong nước);
- Thời gian giao hàng đúng theo hợp đồng.

Chủ đầu tư có quyền từ chối nhận hàng nếu hàng hóa không đáp ứng theo quy định tại E-ĐKC 21.7.

2. Sau khi nhận hàng, khi phát hiện hàng hóa không đủ số lượng do giao nguyên đai, nguyên kiện hoặc đưa vào sử dụng có lỗi về chất lượng, Chủ đầu tư lập biên bản và thông báo cho Nhà thầu để kiểm tra, xác minh và đề xuất biện pháp xử lý.

3. Thử nghiệm, đánh giá, nghiệm thu

Chủ đầu tư có thể sử dụng các công cụ, dụng cụ cần thiết để kiểm tra các thông số kỹ thuật của hàng hóa. Trường hợp có nghi ngờ về chất lượng hàng hóa Chủ đầu tư

có quyền yêu cầu kiểm nghiệm, thử nghiệm hàng hóa tại một bên thứ 3 (do Chủ đầu tư chỉ định) với chi phí do nhà thầu chi trả. Việc đánh giá này có thể thực hiện theo từng lô hàng với số lượng theo yêu cầu của đơn vị kiểm tra, thử nghiệm.

4. Trong trường hợp hàng hóa phát sinh các khiếm khuyết, sự cố hay gây thiệt hại cho người sử dụng hoặc bên thứ ba, Chủ đầu tư sẽ lập biên bản và báo cho nhà thầu để tiến hành kiểm tra và có biện pháp giải quyết. Sau 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mà Nhà thầu không có ý kiến thì xem như đã chấp nhận những nội dung theo biên bản đã thông báo. Thời gian khắc phục theo quy định E-ĐKC 23.5, E-ĐKC 23.6. Nếu quá thời gian khắc phục mà nhà thầu vẫn không khắc phục được, Nhà thầu phải đổi mới hàng hóa. Việc nghiệm thu hàng hóa đổi mới được tính lại từ ngày Chủ đầu tư nhận được hàng hóa đổi mới. Nhà thầu chỉ được một lần đổi mới hàng hóa. Nếu hàng hóa đổi mới không đáp ứng yêu cầu trong thời gian nghiệm thu thì Chủ đầu tư sẽ xem xét không tiếp nhận hàng hóa. Nhà thầu sẽ bị phạt 8% giá trị hàng hóa vi phạm.

- Trong trường hợp Nhà thầu không thể thực hiện đúng thời gian theo quy định tại Mục 23.5 và mục 23.6 E-ĐKCT thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với 0.15% giá trị vi phạm/ngày cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 8% giá trị vi phạm. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 29 E-ĐKC.